

Số: /BVPHCN-KD  
V/v yêu cầu báo giá

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua Hoá chất, Thiết bị y tế, Vật tư xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai, Tổ 20, P.Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà: Lê Hải Thu - Phụ trách Khoa Dược - TBYT. Điện thoại: 0813223226

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc theo đường bưu điện. (đối với trường hợp gửi bưu điện, thời gian Bệnh viện nhận được báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá) tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai, Tổ 20, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đồng thời gửi qua địa chỉ Email: [vanthuphuchoichucnang@gmail.com](mailto:vanthuphuchoichucnang@gmail.com); [lehaithu.phcn@gmail.com](mailto:lehaithu.phcn@gmail.com)

**Nội dung:** Căn cứ thư mời chào giá của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai tại công văn số:...../BVPHCN-TM

ngày.....tháng.....năm.....Chúng tôi Công ty.....có địa chỉ:.....

Xin gửi báo giá Hoá chất, Thiết bị y tế, Vật tư xét nghiệm file scan báo giá gồm cấu hình đặc tính kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật, file mềm báo giá bản word hoặc excel và các file tài liệu liên quan khác đính kèm.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 31 tháng 5 năm 2024 đến trước 16h30 phút ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Quy cách
<b>I. Hóa chất</b>					
1	Triglycerit	Hộp	4	Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase $\geq 0,4$ KU/l Peroxidase $\geq 2,0$ KU/l Lipoproteinlipase $\geq 2,0$ KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase $\geq 0,5$ KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): 9.74 - 1062 mg/dl	R1: 10 x 44 ml
2	AST (GOT)	Hộp	3	R1: Tris Buffer (pH 7.5):110 mmol/l L-Aspartic acid: 340 mmol/l LDH $\geq 4000$ U/l MDH $\geq 750$ U/l R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 3.84-390 U/l	R1: 6x44ml , R2: 6 x11ml
3	ALT (GPT)	Hộp	3	R1: Tris Buffer (pH 7.5): 137.5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial): $\geq 2000$ U/l R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 4.4-360 U/l	R1: 6x44ml , R2: 6 x11ml
4	Cholesterol	Hộp	4	R1: Good's Buffer 50 mmol/l Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l Cholesterol esterase $\geq 200$ U/l Cholesterol oxidase $\geq 50$ U/l Peroxidase $\geq 3$ kU/l Measuring range (phạm vi đo): 4.2 - 695 mg/dl	R1: 10 x 44ml

5	Creatinine	Hộp	3	R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid: 26 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 0.08 - 18 mg/dl	R1: 5 x 44 ml R2: 5 x 11ml
6	Glucose GOD/PAD	Hộp	2	Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase > 25 U/ml Peroxidase > 2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl	R1: 10 x 44 ml
7	Acid Uric	Hộp	1	R1: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l DHBS 0.50 mmol/l Uricase $\geq 0.32$ kU/l Peroxidase $\geq 1.0$ kU/l 4-Aminoantipyrine 0.31 mmol/l R2: standard See bottle label Measuring range (phạm vi đo): 0.49 - 25 mg/dl	R1: 10x44ml
8	Urea UV	Hộp	3	R1: Tris Buffer 100 mmol/l $\alpha$ -Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) $\geq 10$ KU/l GLDH (Microorganism) $\geq 3.8$ KU/l R2: NADH 1.66 mmol/l. '- Measuring range (phạm vi đo): 11.5-300 mg/dl.	(5 lọ x 44ml + 5 lọ x 11ml)/Hộp
9	Presep 2.5 gam	Hộp	2	Thành phần: Troclosene sodium (Sodium dichloroisocyanurate) dạng khô hoặc thô: 50% Adipic Acid: 24% Sodium Bicarbonate: 22% Sodium Carbonate: 4%	100 viên/Hộp
10	Extran MA 05	Can	10	Thành phần: - Polyethyleneglycoldodecyl ether with >5-20 mol ethylene oxide -Emulsifier K30 - Sodium hydroxide	Can 2.5 lít

11	Isotonac	Thùng	7	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	18 lít/ thùng
12	Hemolyac 3N	Chai	6	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	500 ml/chai
13	Cleanac	Can	6	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	5 lít/can
14	Cleanac 3	Can	3	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	5 lít/can
15	Que thử nước tiểu Urit 11G	Hộp	15	Que thử nước tiểu định tính 11 thông số bao gồm cả Leukocytes; Ketones; Specific Gravity; Ascorbic Acid Thành phần tối thiểu: Indoxyl ester 1.4mg; diazonium salt 0.7mg; Sodium nitroprusside 30.0mg; Sulfanilamide 0.65mg; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg, .....	Hộp 100 que

16	Ống nghiệm nước tiểu	Ống	100	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, không nắp. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong,	100 ống/ Túi
17	Erba Norm	Hộp	3	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm một số vi khuẩn.	R1: 4x5 ml, R2: 1x20 ml
18	Erba path	Hộp	3	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô.	R1: 4x5 ml, R2: 1x20 ml
19	XL Multical	Hộp	3	Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động.	4x3ml
20	Natricitrat 3,8%	Lọ	4	Ống nghiệm nhựa PP, nắp nhựa màu xanh lá * Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% , có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	100 lọ/ Khay
21	Dung dịch sterarior 5 lít /can	Can	30	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111 Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử).	5 lít / can
22	Định nhóm máu RH (Anti D )	Lọ	1	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ 10ml

23	Bộ huyết thanh định nhóm máu AB0 (anti A, anti B, anti AB)	Hộp	1	Bộ thuốc thử được sử dụng để phát hiện nhóm A, nhóm B, nhóm AB trong mẫu máu người. Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp (Anti A: 10mL Anti B: 10mL Anti AB: 10mL)
<b>II. Thiết bị y tế, Vật tư xét nghiệm</b>					
1	Giấy in nhiệt của máy nước tiểu	Cuộn	30	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE.	10 cuộn/hộp
2	Sample cup	Chiếc	2,000	Chất liệu nhựa PS, kích thước 16*38mm, 2.5-3ml.	500 Chiếc/túi
3	Ống Eppendorf 1.5 ml	Cái	500	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	500 chiếc/túi
4	Kim lấy thuốc các cỡ	Cái	5,000	Đầu kim cắt vát 3 cạnh, dùng được cho tất cả các loại bơm tiêm hoặc dùng để lấy máu, lấy thuốc. Khử trùng bằng khí EO. Không chứa độc tố DEHP	100 cái/hộp
5	Kim lùn 22Gx1	Cái	20,000	- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim đóng gói dạng bút. - Ống catheter có 2 vạch cản quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim không cánh không cổng bơm thuốc bổ xung. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. - Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ.	100 cái/hộp

6	Kim quang vô trùng (Kim Tê)	Cái	1,500	Được làm từ vật liệu phân tử nên mềm mại, linh hoạt khi sử dụng	100 cái / hộp
7	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	50	Bóng đèn hồng ngoại 250W. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	1 Cái/hộp
8	Kim châm cứu các loại, các cỡ vô trùng	Cái	1,000,000	Kim châm cứu dùng cho điều trị trong châm cứu. Đường kính: 0.16-0.45 mm, chiều dài: 13-75mm, Kim vi nhôm đúc đồng có khuyên	100 cái / hộp. Vi 10 cái

2. Địa điểm cung cấp, bàn giao hàng hóa: Hàng hóa được bàn giao sử dụng tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai Tổ 20, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Các thông tin khác (nếu có):

Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương.

Kính đề nghị các Quý đơn vị quan tâm gửi báo giá theo mẫu *phụ lục 01* đính kèm thư mời.

Bệnh viện xin thông báo để các đơn vị được biết

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC-KT; Khoa Dược-TBYT.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Năm**

